

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HS-ST

Ngày : 15/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Liên Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 124/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN TUẤN Đ; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1976 tại Nam Định; nơi đăng ký thường trú: số nhà 26/23 đường Bùi Thị X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số nhà 287 đường Nguyễn Thái B, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tuấn C (chết) và bà Nguyễn Thị Vũ H; có vợ: Phan Tú U và 02 con: lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; nhân thân: Ngày 04/7/2016, Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” (Quyết định số 0035546/QĐ-XPHC); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Cổ phần đầu tư X, địa chỉ: số 201 đường Hoàng Hoa T, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và số 16 Trần Doãn K, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984, nơi cư trú: phòng C47, chung cư S, đường A, khu dân cư Trung S, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Hiện nay đang bị tạm giam trong một vụ án khác).

(Vắng mặt)

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội)

Địa chỉ: 2.5-2.6-2.7-2.8 Phan Xích L, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức C (Theo giấy ủy quyền số 51/2020/UQ-GĐ ngày 27/8/2020)

(Có mặt)

3. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: phòng C47, chung cư S, đường A, khu dân cư Trung S, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Hiện nay đang bị tạm giam trong một vụ án khác).

(Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1985

Địa chỉ: số 101 đường Bưng Ông T, tổ 8, khu phố 1, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1997

Địa chỉ: số nhà 43/2B đường số 7, phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

6. Bà Tạ Thị Hoàng Q, sinh năm 1965

Địa chỉ: số nhà 86/97/18 đường Trường C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

7. Bà Phan Tú U, sinh năm 1978

Địa chỉ: số nhà 287 đường Nguyễn Thái B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

8. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1997

Địa chỉ: tổ 6, phường S, thị xã T, tỉnh Đắk Nông.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NGUYỄN TUẤN Đ làm quản lý, điều hành hoạt động của hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ, mua bán xe ô tô, xe máy Y, địa chỉ kinh doanh: số 287 Nguyễn

Thái B, Phường A, quận B theo ủy quyền của bà Tạ Thị Hoàng Q (bà Tạ Thị Hoàng Q là người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41N8036409G do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 05/02/2018, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04/6/2018). Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41N8036409G thì vợ chồng NGUYỄN TUẤN Đ và Phan Tú U góp vốn 90%, bà Q 10% (nhưng trên thực tế toàn bộ vốn là tiền của vợ chồng Đ).

Trước đó vào tháng 5/2017, Nguyễn Hữu T (người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần đầu tư X) đem xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 (xe do công ty đứng tên) đến thế chấp cho Nguyễn Tuấn Đ để vay số tiền 500.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng. Trong thời gian vay Nguyễn Hữu T đã trả tiền lãi cho Nguyễn Tuấn Đ cụ thể: các tháng 6, 7, 8 và 10/2017 mỗi tháng chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản 0441000644960 Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, chủ tài khoản Phan Tú U; Các tháng 9 và 11/2017 trả tiền mặt trực tiếp cho Nguyễn Tuấn Đ mỗi tháng trả 50.000.000 đồng; Tháng 12/2017, Nguyễn Hữu T trả tiền gốc 500.000.000 đồng và do tại thời điểm trả chưa đủ tháng nên Nguyễn Tuấn Đ thu 37.500.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng Nguyễn Hữu T đã trả cho Nguyễn Tuấn Đ 337.500.000 đồng tiền lãi. Sau khi T trả đủ tiền gốc và lãi, Nguyễn Tuấn Đ đã giao trả lại xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 cho Nguyễn Hữu Tiến.

Tháng 4/2018, Nguyễn Hữu T tiếp tục mang xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đến cửa hàng cầm đồ Y thế chấp cho Đ để vay số tiền 300.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng. Sau khi vay tiền, Nguyễn Hữu T đã trả lãi cho Nguyễn Tuấn Đ được 03 tháng, mỗi tháng 30.000.000 đồng, tổng cộng là 90.000.000 đồng, cụ thể đã chuyển tiền vào tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank của Phan Tú U vào các ngày 08/5/2018, 20/6/2018 và 14/7/2018, đến tháng 8/2018 không thấy Nguyễn Hữu T trả tiền lãi nên Đ tìm cách liên lạc với Nguyễn Hữu T nhưng không được.

Khoảng cuối tháng 8/2018, Nguyễn Tuấn Đ đăng thông tin cho thuê chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 do Nguyễn Hữu T thế chấp trên mạng Internet để thu hồi vốn. Qua người môi giới, Nguyễn Tuấn Đ liên hệ với Nguyễn Đức A (tên gọi khác P) nói hiện đang có chiếc xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 do Nguyễn Tuấn Đ cầm của người đứng tên hợp pháp và không liên quan đến tài sản trộm cắp nhưng họ không đến lấy, nếu đồng ý thì đưa cho Đ 300.000.000 đồng và Đ sẽ giao xe cho Nguyễn Đức A sử dụng, khi nào trả lại xe thì Đại trả lại tiền. Sau khi nghe thông tin, Nguyễn Đức A đồng ý nên đầu tháng 9 năm 2018, Đ đã nhận số tiền 300.000.000 đồng rồi giao xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 cùng toàn bộ bản photo giấy đăng ký xe, giấy biên nhận thế chấp ngân hàng cho người mà Nguyễn Đức A nhờ đến giao tiền nhận xe (Việc thỏa thuận giữa Đ và Nguyễn Đức A chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì).

Quá trình điều tra:

- Nguyễn Hữu T khai: Xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 do Công ty Cổ phần đầu tư X (do Nguyễn Hữu T làm người đại diện theo pháp luật) đứng tên đăng ký sở hữu. Do vay tiền ngân hàng nên chiếc xe hiện đang là tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) để đảm

bảo số tiền vay 950.000.000 đồng. Trong thời gian sử dụng, T đã mang xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đến thế chấp cho cửa hàng Y của Nguyễn Tuấn Đ để vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: tháng 5/2017, T thế chấp xe để vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, tức tiền lãi mỗi tháng 50.000.000 đồng. Sau khi vay từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017 T đã trả 300.000.000 đồng tiền lãi. Tháng 12/2017 tại thời điểm trả tiền gốc 500.000.000 đồng để lấy lại xe, do chưa đủ tháng nên Đ lấy 37.500.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng, T đã trả cho Đ 337.500.000 đồng tiền lãi.

Lần 2: tháng 4/2018, T thế chấp xe cho Đ để vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, tức mỗi tháng trả 30.000.000 đồng tiền lãi. T đã trả lãi cho Đ được 03 tháng tổng cộng 90.000.000 đồng, sau đó thì T bị công an bắt nên không trả được tiền lãi và vốn vay cho Đ. Việc 02 lần thế chấp xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 để vay tiền của Đ là do Tiến tự quyết định vì T là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Số tiền vay được Tiến dùng vào hoạt động của công ty, tuy nhiên Công ty thực hiện hạch toán nội bộ, không hạch toán theo chế độ kế toán và công khai thuế nên T chịu trách nhiệm toàn bộ. Từ khi bị bắt đến nay T không ủy quyền cho ai điều hành hoạt động công ty nên không biết còn hoạt động không (Kết quả xác minh của Cơ quan điều tra thể hiện Công ty cổ phần đầu tư X không còn hoạt động tại địa chỉ số 201 Hoàng Hoa T, quận B và cũng không còn hoạt động tại địa chỉ 16 Trần Doãn K, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh). Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng chưa trả cho NGUYỄN TUẤN Đ, Tiến cam kết sẽ trả lại cho Đ. Đối với chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 do Công an đã thu giữ và giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P- Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý, T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Nguyễn Đức A khai: Khoảng tháng 9/2018, thông qua một người môi giới mua bán xe, Nguyễn Đức A được biết thông tin có chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đang trả góp ngân hàng và đang cầm cho cửa hàng cầm đồ, chủ tiệm cầm đồ muốn bán xe với giá 300.000.000 đồng. Nguyễn Đức A đồng ý mua nên đã nhờ người môi giới và người lái xe của Nguyễn Đức A (không nhớ họ tên) đi kiểm tra xe, giao tiền và nhận xe về. Sau khi nhận xe về Nguyễn Đức A để ở nhà khoảng 2, 3 tuần thì thỏa thuận giao xe trên cho Lê Văn T1 để trừ vào số tiền 350.000.000 đồng mà Lê Văn T1 đã giao cho Nguyễn Đức A trước đây. Tuy nhiên, khoảng 01 tháng sau thì chủ tiệm cầm đồ là Đ gọi điện yêu cầu được chuộc lại chiếc xe Camry biển số 51F-786.02 vì Công an đang làm việc liên quan đến chiếc xe ô tô này. Nguyễn Đức A đồng ý và liên hệ với Lê Văn T1 để lấy lại xe giao lại cho Đ, Sau đó được biết Lê Văn T1 đã đem xe đến giao cho Công an.

- Lê Văn T1 khai: Thông qua mạng xã hội Facebook, T1 biết Nguyễn Đức A làm nghề hỗ trợ tài chính và đáo hạn nợ ngân hàng cho khách có nhu cầu nên tháng 6/2018 Tú đã đưa cho Nguyễn Đức A số tiền 350.000.000 đồng để nhờ đầu tư vào việc hỗ trợ tài chính nhằm kiếm lời. Tháng 9/2018, Nguyễn Đức A nói hiện có chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đời 2016 có đầy đủ giấy tờ, nếu đồng ý lấy xe thì trừ vào số tiền 350.000.000 đồng. Do có nhu cầu sử dụng nên T1 đồng ý nhận xe, tuy nhiên sau đó Nguyễn Đức A cho biết xe có liên quan đến vụ án và yêu

cầu T1 đem đến giao cho Công an, T1 đồng ý nên ngày 06/9/2019 đã đem xe đến giao nộp cho cơ quan công an. Tú không quen biết NGUYỄN TUẤN Đ và yêu cầu nhận lại số tiền 350.000.000 đồng từ Nguyễn Đức A.

- Phan Tú U khai: Việc kinh doanh cửa hàng cầm đồ Y do NGUYỄN TUẤN Đ (chồng của U) là người quản lý, quyết định và thỏa thuận mức giá cầm đồ, lãi suất cầm đồ, việc kinh doanh do Đ trực tiếp giao dịch với khách hàng. Nếu Đ đi vắng thì U sẽ trao đổi với Đại qua điện thoại rồi mới tiến hành giao dịch với khách hàng, U chỉ phụ giúp việc ghi chép sổ sách. U không biết Đ nhận cầm chiếc xe Camry biển số 51F-786.02 của Nguyễn Hữu T với lãi suất 10%/tháng, không trực tiếp đứng ra giao dịch trong việc cầm cố chiếc xe này. Khi T chuyển khoản vào tài khoản Vietcombank của U có nội dung “trả lãi xe Camry”, U đều báo lại cho Đ và rút tiền giao lại cho Đ. U không được Đ chia tiền thu lợi từ việc giao dịch cầm xe ô tô này. Đ sử dụng tiền lãi để duy trì việc kinh doanh của cửa hàng, trả nợ và trả lãi cho khách hàng mà vợ chồng U vay tiền để kinh doanh cửa hàng.

- Đại diện Ngân hàng khai: Chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 do Công ty Cổ phần đầu tư X (do Nguyễn Hữu T làm người đại diện theo pháp luật) đứng tên đăng ký sở hữu là tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) để đảm bảo số tiền vay 950.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016. Trong thời gian sử dụng, Nguyễn Hữu T mang xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đến thế chấp để vay tiền của Nguyễn Tuấn Đ, Ngân hàng không biết. Hiện nay xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đang do Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý theo Lệnh kê biên tài sản số 51/C01-P5 ngày 08/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 thì Công ty Cổ phần đầu tư X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và hiện còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) tiền vốn và lãi. Để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) đề nghị cơ quan có thẩm quyền giao chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) để ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, NGUYỄN TUẤN Đ thừa nhận đã 2 lần nhận cầm xe ô tô để cho Nguyễn Hữu T vay tiền, cụ thể: Lần 1: tháng 5/2017 cho T vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (120%/năm) từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017, mỗi tháng T đã trả cho Đ 50.000.000 đồng tiền lãi. Tháng 12/2017, T trả tiền gốc 500.000.000 đồng để lấy lại xe, do chưa đủ tháng nên Đ lấy 37.500.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng T đã trả cho Đ 337.500.000 đồng tiền lãi; Lần 2: tháng 4/2018 cho T vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (120%/năm), Tiến đã trả lãi cho Đ được 03 tháng mỗi tháng 30.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng sau đó thì T bị bắt nên chưa trả lại 300.000.000 đồng tiền vốn cho Đ. Số tiền cho T vay là tiền vốn của cửa hàng kinh doanh Y, Đ đã dùng tiền lãi T trả để cho khách hàng khác vay lại, trả tiền lãi cho người mà Đ vay để kinh

doanh và nhận cầm đồ cho khách hàng. Việc quyết định giá cầm đồ và lãi suất cho vay do Đ quyết định, vợ Đ là Phan Tú U không biết, không tham gia. Đ cũng không chia lợi nhuận gì cho U cũng như bà Tạ Thị Hoàng Q là người Đ nhờ đứng tên trên giấy đăng ký kinh doanh, việc kinh doanh của cửa hàng Y do Đ trực tiếp điều hành và quản lý, bà Q không có liên quan gì và cũng không được Đ chia lợi nhuận. Quá trình cầm cố tài sản của các khách hàng, Đ chỉ ghi ngắn gọn tên, địa chỉ ghi quận, huyện, tỉnh rồi đưa biên nhận cho khách, đến kỳ hạn thì khách đến trả lãi, chuộc tài sản theo thỏa thuận, nếu khách không đến chuộc thì Đ sẽ thanh lý tài sản để thu hồi vốn kinh doanh như thỏa thuận. Qua đối chiếu sổ sách thu giữ tại cửa hàng Y và do Đ giao nộp, danh sách khách hàng không cụ thể, không rõ địa chỉ nên không T hành làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã làm thủ tục đăng báo tìm các khách hàng vay tiền lãi suất cao của NGUYỄN TUẤN Đ (trên 8,33%/tháng, trên 100%/năm) nhưng không có ai đến trình báo. Do đó, ngoài hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Nguyễn Hữu T, Cơ quan điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra.

Đối với Tạ Thị Hoàng Q, kết quả xác minh, hiện bà Q đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu. Do đó, không tiến hành làm việc với bà Q được.

Đối với Phan Tú U, do U không trực tiếp giao dịch kinh doanh với khách hàng, không biết việc cầm cố xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 của Nguyễn Hữu T với lãi suất 10%/tháng, không được Đ chia lợi nhuận từ giao dịch này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý với vai trò đồng phạm.

Từ kết quả điều tra xác định được:

- Hành vi từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2017 Nguyễn Tuấn Đ cho Nguyễn Hữu T vay số tiền 500.000.000 đồng lãi suất 10%/tháng (120%/năm) đã nhận được 337.500.000 đồng tiền lãi nhưng không thuộc trường hợp “cho vay với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ 10 lần trở lên có tính chất bóc lột”. Hành vi này của Nguyễn Tuấn Đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng” quy định tại Điều 163 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Hành vi từ tháng 4/2018 đến tháng 7/2018 Nguyễn Tuấn Đ cho Nguyễn Hữu T vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng (120%/năm) gấp 6 lần mức lãi suất pháp luật cho phép (không quá 20%/năm : 12 tháng = 1,666%/tháng = 8,833%/năm) đã nhận được 90.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi 75.000.000 đồng (90.000.000 đồng – 15.000.000 đồng = 75.000.000 đồng) của Nguyễn Tuấn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vật chứng vụ án: - Khám xét khẩn cấp tại cửa hàng cầm đồ Y tại số 287 Nguyễn Thái B, Phường A, quận B, thu giữ: 01 hộ chiếu mang tên NGUYỄN TUẤN Đ, 01 sổ hộ khẩu phô tô số 31100128181, 01 hợp đồng ủy quyền ngày 07/02/2018, 02 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41N8036409, 01 bản phô tô giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số 0312932311, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đủ điều kiện về

ATTT để làm ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 09 biên nhận dịch vụ cầm đồ Y , 09 hợp đồng cho vay và thế chấp tài sản của dịch vụ cầm đồ Y , 01 quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ gồm 48 tờ, 01 quyển sổ bìa trắng xanh, 12 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 4/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 10 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 5/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 10 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 6/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 06 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 7/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 01 cuốn sổ bìa màu xanh, ghi chữ “T5/2019 Xe II”, 01 cuốn sổ màu vàng đen, ghi chữ “ĐK III T7/2018”, 01 cuốn sổ màu tím ghi chữ “ĐK4” (lưu kèm hồ sơ vụ án).

- Thu giữ của Lê Văn T1: 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 8054266 cấp ngày 06/3/2019 của xe biển số 51F-786.02 (lưu kèm hồ sơ vụ án); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (đã trả điện thoại lại cho T1).

- Thu giữ của Lê Văn T1: 01 xe ô tô hiệu Toyota Camry, biển số 51F-786.02, chủ sở hữu xe là Công ty Cổ phần đầu tư X. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã kê biên tài sản, giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý, bảo quản.

- Thu giữ của Lê Văn T2: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng (đã trả lại cho T2).

- Số tiền 90.000.000 đồng thu giữ của Đ (Đ khai đây là tiền Đ vay mượn và để tại cửa hàng dùng vào việc kinh doanh cầm đồ), 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng và 01 Ipad màu xám thu giữ của Đ, 01 USB và 01 đĩa CD Rom lưu dữ liệu trích xuất điện thoại của Đại.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 14 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo NGUYỄN TUẤN Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo thì hành vi cầm cố xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 để cho Nguyễn Hữu T vay số tiền 300.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng là gấp 6 lần mức lãi suất cho phép (20%/năm : 12 tháng = 1,666%/tháng) theo quy định để thu lợi 90.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính của người vay số tiền 75.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, bị cáo phạm tội do cố ý nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ căn cứ trên đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, khoản 1

Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bằng hình phạt tiền bị cáo từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 300.000.000 đồng Nguyễn Hữu T vay của bị cáo nhưng đến nay chưa trả. Quá trình điều tra ngoài lời khai của Nguyễn Hữu T, không có tài liệu nào chứng minh Nguyễn Hữu T vay tiền để phục vụ cho hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư X. Do đó, Nguyễn Hữu T phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Xét thấy đây là số tiền bị cáo Nguyễn Tuấn Đ dùng vào việc phạm tội (phương tiện phạm tội) nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Hữu T nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng {(tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) 90.000.000 đồng – 75.000.000 đồng = 15.000.000 đồng} Nguyễn Tuấn Đ thu được từ hành vi cho Nguyễn Hữu T vay. Xét thấy đây là khoản tiền thu được phát sinh từ tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 75.000.000 đồng [(số tiền thu vượt trên 20%/năm) 90.000.000 đồng – 15.000.000 đồng = 75.000.000 đồng] Nguyễn Tuấn Đ thu được từ hành vi cho Nguyễn Hữu T vay. Xét thấy đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả lại cho người vay Nguyễn Hữu T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức A khai đã bỏ ra số tiền 300.000.000 đồng để mua lại chiếc xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 từ bị cáo cho Nguyễn Tuấn Đ (bị cáo Đ không thừa nhận bán mà chỉ thừa nhận là cho thuê), việc mua bán không làm giấy tờ. Sau khi mua xe Nguyễn Đức A đã giao xe cho Lê Văn T1 để cầm trừ vào số tiền 350.000.000 đồng mà T1 đã đưa cho Đức A trước đó. Hiện nay xe đã bị Công an thu hồi. Xét thấy việc mua bán xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 giữa Nguyễn Đức A và bị cáo Nguyễn Tuấn Đ và việc Nguyễn Đức A giao xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 cho Lê Văn T1 để cầm trừ số tiền 350.000.000 đồng là giao dịch dân sự. Nếu có tranh chấp thì Nguyễn Đức A, Lê Văn T1, Nguyễn Tuấn Đ có quyền yêu cầu giải quyết theo thủ tục khác để được bảo vệ quyền lợi, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra, Lê Văn T1 trình bày có quan hệ làm ăn với Nguyễn Đức A và được Nguyễn Đức A giao cho chiếc ô tô hiệu Toyota Camry, biển số 51F-786.02 để cầm trừ vào số tiền 350.000.000 đồng đã đưa cho Nguyễn Đức A trước đó, việc giao nhận xe, cầm trừ tiền hai bên không làm giấy tờ. Sau khi biết được chiếc xe có liên quan đến vụ án hình sự, T1 đã tự nguyện giao nộp xe ô tô trên cho Cơ quan Công an, nên T1 yêu cầu Nguyễn Đức A trả lại số tiền 350.000.000 đồng. Xét thấy việc giao nhận xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 giữa Nguyễn Đức A và Lê Văn T1 để cầm trừ số tiền 350.000.000 đồng là giao dịch dân sự, nếu có tranh chấp thì Lê Văn T1, Nguyễn Đức A có quyền yêu cầu giải quyết theo thủ tục khác để được bảo vệ quyền lợi, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra, Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà nội) trình bày: Chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 do Công ty Cổ phần đầu tư X (do Nguyễn Hữu T làm người đại diện theo pháp luật) đứng tên đăng ký sở hữu là tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà nội) để đảm bảo số tiền vay 950.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016. Trong thời gian sử dụng, Nguyễn Hữu T mang xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đến thế chấp để vay tiền của Nguyễn Tuấn Đ, Ngân hàng không biết. Hiện nay xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đang do Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý theo Lệnh kê biên tài sản số 51/C01-P5 ngày 08/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an. Để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) đề nghị cơ quan có thẩm quyền giao chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) để ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy đề nghị của Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 sổ hộ khẩu phổ thông số 31100128181, 01 hợp đồng ủy quyền ngày 07/02/2018, 02 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41N8036409, 01 bản phô tô giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số 0312932311, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đủ điều kiện về ATTT để làm ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 09 biên nhận dịch vụ cầm đồ Y , 09 hợp đồng cho vay và thế chấp tài sản của dịch vụ cầm đồ Y , 01 quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ gồm 48 tờ, 01 quyển sổ bìa trắng xanh, 12 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 4/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 10 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 5/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 10 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 6/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 06 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 7/2019 của dịch vụ cầm đồ Y , 01 cuốn sổ bìa màu xanh, ghi chữ “T5/2019 Xe II”, 01 cuốn sổ màu vàng đen, ghi chữ “ĐK III T7/2018”, 01 cuốn sổ màu tím ghi chữ “ĐK4” thu giữ của bị cáo tại cửa hàng cầm đồ Y và 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 8054266 cấp ngày 06/3/2019 của xe biển số 51F-786.02 thu giữ của anh Lê Văn T1. Xét thấy đây là những chứng cứ của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu để tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 hộ chiếu mang tên NGUYỄN TUẤN Đ là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng thu giữ của Lê Văn T1. Quá trình điều tra đã trả lại cho T1. Xét thấy hiện nay không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng thu giữ của Lê Văn T2. Quá trình điều tra đã trả lại cho T2. Xét thấy hiện nay không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với số tiền 90.000.000 đồng thu giữ của bị cáo, bị cáo khai đây là tiền bị cáo vay của người khác để tại cửa hàng dùng vào việc kinh doanh cầm đồ. Quá trình điều tra xác định được như lời khai của Đ. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên do bị cáo có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự do đó đề nghị hội đồng xét xử tuyên giao cho Cơ quan Thi hành án tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 Ipad màu xám thu giữ của bị cáo. Xét thấy bị cáo dùng 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 Ipad màu xám là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 USB và 01 đĩa CD Rom lưu dữ liệu trích xuất điện thoại của bị cáo là chứng cứ của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 là tài sản Công ty cổ phần đầu tư X đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 để đảm bảo cho số tiền vay 950.000.000 đồng. Hiện nay xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 đã được cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý. Xét thấy đây là tài sản liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý để bảo đảm cho việc giải quyết Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X theo đúng quy định của pháp luật.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm giúp cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận Tân Bình lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân

Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo NGUYỄN TUẤN Đ về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng; nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo thì hành vi cầm cố xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 để cho Nguyễn Hữu T vay số tiền 300.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, gấp 6 lần mức lãi suất cho phép theo quy định để thu lợi bất chính số tiền 75.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng của bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phân phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi ích cá nhân mà bị cáo đã cố ý phạm tội, nên cần xét xử bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Việc đại diện Viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo để đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 35; khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu T vắng mặt nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án nhận thấy: số tiền 300.000.000 đồng Nguyễn Hữu T thế chấp xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 để vay của bị cáo nhưng đến nay chưa trả. Quá trình điều tra, ngoài lời khai của Nguyễn Hữu Tiến, không có tài liệu nào chứng minh Nguyễn Hữu T vay tiền để phục vụ cho hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư X, do đó Nguyễn Hữu T phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Xét thấy đây là số tiền bị cáo Nguyễn Tuấn Đ dùng vào việc phạm tội (phương tiện phạm tội) nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc Nguyễn Hữu T nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng [(tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) 90.000.000 đồng – 75.000.000 đồng = 15.000.000 đồng] Nguyễn Tuấn Đ thu được từ hành vi cho Nguyễn Hữu T vay. Xét thấy đây là khoản tiền thu được phát sinh từ tội phạm nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với số tiền 75.000.000 đồng [(số tiền thu vượt trên 20%/năm) 90.000.000 đồng – 15.000.000 đồng = 75.000.000 đồng] Nguyễn Tuấn Đ thu được từ hành vi cho Nguyễn Hữu T vay. Xét thấy đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị cáo trả lại cho người vay Nguyễn Hữu T như đề nghị của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức A vắng mặt, nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án nhận thấy ông Nguyễn Đức A bỏ ra số tiền 300.000.000 đồng để mua lại chiếc xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 từ bị cáo cho Nguyễn Tuấn Đại (bị cáo Đại không thừa nhận bán mà thừa nhận là cho thuê), việc mua bán không làm giấy tờ. Sau khi mua xe ông Nguyễn Đức A đã giao xe cho ông Lê Văn T1 để cầm trả vào số tiền 350.000.000 đồng mà ông T1 đã đưa cho ông Nguyễn Đức A trước đó. Hiện nay xe đã bị Công an thu hồi. Xét thấy việc mua bán xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 giữa ông Nguyễn Đức A và bị cáo Nguyễn Tuấn Đ và việc ông Nguyễn Đức A giao xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 cho ông Lê Văn T1 để cầm trả số tiền 350.000.000 đồng là giao dịch dân sự. Nếu có tranh chấp thì ông Nguyễn Đức A, ông Lê Văn T1 và bị cáo Nguyễn Tuấn Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định để được bảo vệ quyền lợi, nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét, giải quyết như đề nghị của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn T1 vắng mặt, nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án nhận thấy ông Lê Văn T1 được ông Nguyễn Đức A giao cho chiếc ô tô hiệu Toyota Camry, biển số 51F-786.02 để cầm trả vào số tiền 350.000.000 đồng mà ông T1 đã đưa cho ông Nguyễn Đức A trước đó; việc giao nhận xe, cầm trả tiền hai bên không làm giấy tờ. Sau khi biết được chiếc xe có liên quan đến vụ án hình sự, ông Lê Văn T1 đã tự nguyện giao nộp xe ô tô trên cho Cơ quan Công an. Xét thấy việc giao nhận xe ô tô Camry biển số 51F-786.02 giữa ông Nguyễn Đức A và ông Lê Văn T1 để cầm trả số tiền 350.000.000 đồng là giao dịch dân sự, nếu có tranh chấp thì ông Lê Văn T1, ông Nguyễn Đức A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để được bảo vệ quyền lợi, nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét, giải quyết như đề nghị của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà nội) trình bày: Chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 do Công ty Cổ phần đầu tư X (do Nguyễn Hữu T làm người đại diện theo pháp luật) đứng tên đăng ký sở hữu là tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà nội) để đảm bảo số tiền vay 950.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016. Trong thời gian sử dụng, Nguyễn Hữu Tiến mang xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đến thế chấp để vay tiền của Nguyễn Tuấn Đ, Ngân hàng không biết. Hiện nay xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 đang do Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý theo Lệnh kê biên tài sản số 51/C01-P5 ngày 08/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an. Để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) đề nghị cơ quan có thẩm quyền giao chiếc xe ô tô hiệu Camry biển số 51F-786.02 Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) để ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là tài sản liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý để bảo đảm cho việc giải quyết Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X theo đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 sổ hộ khẩu phổ thông số 31100128181, 01 hợp đồng ủy quyền ngày 07/02/2018, 02 bản photo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41N8036409, 01 bản phổ thông giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh, 01 bản phổ thông giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số 0312932311, 01 bản phổ thông giấy chứng nhận đủ điều kiện về ATTT để làm ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 09 biên nhận dịch vụ cầm đồ Y, 09 hợp đồng cho vay và thế chấp tài sản của dịch vụ cầm đồ Y, 01 quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ gồm 48 tờ, 01 quyển sổ bìa trắng xanh, 12 tờ phổ thông bảng kê chi tiết tháng 4/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 10 tờ phổ thông bảng kê chi tiết tháng 5/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 10 tờ phổ thông bảng kê chi tiết tháng 6/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 06 tờ phổ thông bảng kê chi tiết tháng 7/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 01 cuốn sổ bìa màu xanh, ghi chữ “T5/2019 Xe II”, 01 cuốn sổ màu vàng đen, ghi chữ “ĐK III T7/2018”, 01 cuốn sổ màu tím ghi chữ “ĐK4” thu giữ của bị cáo tại cửa hàng cầm đồ Y và 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 8054266 cấp ngày 06/3/2019 của xe biển số 51F-786.02 thu giữ của anh Lê Văn T1. Xét thấy đây là những chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu để tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 hộ chiếu mang tên NGUYỄN TUẤN Đ đang lưu trong hồ sơ vụ án là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng thu giữ của Lê Văn T1. Quá trình điều tra đã trả lại cho T1. Xét thấy hiện nay không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng thu giữ của Lê Văn T2. Quá trình điều tra đã trả lại cho T2. Xét thấy hiện nay không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với số tiền 90.000.000 đồng thu giữ của Đ. Đại khai đây là tiền Đ để tại cửa hàng dùng vào việc kinh doanh cầm đồ. Quá trình điều tra xác định được như lời khai của Đ. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên do bị cáo có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự do đó hội đồng xét xử thống nhất giao cho Cơ quan Thi hành án tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 Ipad màu xám thu giữ của bị cáo. Xét thấy bị cáo dùng 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 Ipad màu xám là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 USB và 01 đĩa CD Rom lưu dữ liệu trích xuất điện thoại của bị cáo là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu để lưu vào hồ sơ vụ án như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 là tài sản Công ty cổ phần đầu tư X đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 để đảm bảo cho số tiền vay 950.000.000đ. Hiện nay xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 đã được cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý. Xét thấy đây là tài sản liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X nên Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) quản lý để bảo đảm cho việc giải quyết Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P– Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố

Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X theo đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo NGUYỄN TUẤN Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Phạt tiền NGUYỄN TUẤN Đ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ nộp lại số tiền 15.000.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà có (thu tiền lãi cho Nguyễn Hữu T vay) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 75.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay Nguyễn Hữu T (thu tiền lãi vượt quá quy định).

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T nộp lại số tiền 300.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước (tiền bị cáo Nguyễn Tuấn Đ dùng vào việc phạm tội (phương tiện phạm tội) nhưng Nguyễn Hữu T chưa trả lại cho Nguyễn Tuấn Đ).

Ông Nguyễn Đức A và bị cáo Nguyễn Tuấn Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với số tiền 300.000.000 đồng ông Nguyễn Đức A đã trả cho Nguyễn Tuấn Đ để mua xe ô tô ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02.

Ông Lê Văn T1 và ông Nguyễn Đức A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với số tiền 350.000.000 đồng trong việc giao dịch liên quan đến chiếc xe ô tô ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51F-786.02 giữa ông Lê Văn T1 và ông Nguyễn Đức A.

[3] Về vật chứng vụ án:

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án: 01 sổ hộ khẩu phô tô số 31100128181, 01 hợp đồng ủy quyền ngày 07/02/2018, 02 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41N8036409, 01 bản phô tô giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số 0312932311, 01 bản phô tô giấy chứng nhận đủ điều kiện về ATTT để làm ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 09 biên nhận dịch vụ cầm đồ Y, 09 hợp đồng cho vay và thế chấp tài sản của dịch vụ

cầm đồ Y, 01 quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ gồm 48 tờ, 01 quyển sổ bìa trắng xanh, 12 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 4/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 10 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 5/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 10 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 6/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 06 tờ phô tô bảng kê chi tiết tháng 7/2019 của dịch vụ cầm đồ Y, 01 cuốn sổ bìa màu xanh, ghi chữ “T5/2019 Xe II”, 01 cuốn sổ màu vàng đen, ghi chữ “ĐK III T7/2018”, 01 cuốn sổ màu tím ghi chữ “ĐK4” và 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 8054266 cấp ngày 06/3/2019 của xe biển số 51F-786.02.

Trả lại cho bị cáo 01 hộ chiếu mang tên NGUYỄN TUẤN Đ.

Trả lại cho bị cáo NGUYỄN TUẤN Đ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 Ipad màu xám (bên ngoài có chữ ký Điều tra viên Tạ Văn Thịnh và bị can NGUYỄN TUẤN Đ (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 66/BB/2020 ngày 01/6/2020 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn Đ số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình tạm giữ số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng được tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Tuấn Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng (bên ngoài có chữ ký Điều tra viên Tạ Văn Thịnh và bị can NGUYỄN TUẤN Đ (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 66/BB/2020 ngày 01/6/2020 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

Tịch thu giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu giữ vào hồ sơ vụ án 01 USB và 01 đĩa CD Rom lưu dữ liệu (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 66/BB/2020 ngày 01/6/2020 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

Giao cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) tiếp tục quản lý chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry, biển số 51F-786.02 để bảo đảm cho việc giải quyết Hợp đồng tín dụng số 448.0024/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 05/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 448.0024/2016/HĐTC/PN ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần đầu tư X theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng giữa hai bên và đúng quy định của pháp luật (Tình trạng xe theo như Lệnh kê biên tài sản số 51/C01-P5 ngày 08/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an).

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trí